TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VŨ THƯ** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **14**/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 02/4/2025
V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn giữa chị Trần Thị T và anh Đặng Hùng M

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VŨ THƯ, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Bùi Thị Thoan.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Đức Hiển;

2. Ông Đoàn Minh Hải.

- ***Thư ký phiên toà*:** Bà Đỗ Hằng Nga - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa:*** Bà Bùi Thị Vân Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Vũ Thư xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 165/2024/TLST- HNGĐ ngày 11 tháng 12 năm 2024 về *"Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2025/QĐXX - ST ngày 18 tháng 02 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2025/QĐ- HPT ngày 18/3/2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Trần Thị T**, sinh năm 19xx

HKTT: Thôn x, xã Đ, huyện V, tỉnh Thái Bình;

Địa chỉ: Thôn y, xã Đ, huyện V, tỉnh Thái Bình.

Bị đơn: Anh **Đặng Hùng M**, sinh năm 19xx;

Địa chỉ: Thôn 6, xã Đ, huyện V, tỉnh Thái Bình.

(Anh M vắng mặt, chị T có đơn xin xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện đề ngày 15 tháng 11 năm 2024, bản tự khai đề ngày 12 tháng 02 năm 2025 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trần Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh M tự nguyện tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn vào ngày 03 tháng 02 năm 2009 tại UBND xã Đ, huyện V, tỉnh Thái Bình. Sau khi kết hôn anh chị chung sống đến năm 2019 thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh M chơi bời, nợ nần, có biểu hiện ngoại tình. Chị đã nhiều lần khuyên bảo nhưng anh M không thay đổi. mà còn chị đánh đập chị, đe dọa giết chị, đốt nhà và xúc phạm cả gia đình chị. Đến ngày 03/11/2024, chị đã cùng các con về nhà mẹ đẻ chị ở thôn 9, xã Vũ Đoài và sống ly thân với anh M từ đó đến nay. Trước Tết Nguyên đán năm 2025, mẹ đẻ và bác anh M có đến nhà mẹ đẻ chị để khuyên bảo chị quay về. Nhưng vì chị đã cho anh M nhiều cơ hội mà anh M vẫn không sửa chữa nên chị đã không quay về. Nay chị xác định không còn tình cảm với anh M nữa, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh M.

Về con chung: Chị và Anh M có 03 con chung là: Đặng Phương A, sinh ngày 04 tháng 6 năm 2010; Đặng Anh Th, sinh ngày 21 tháng 4 năm 2017 và Đặng Minh Q, sinh ngày 29 tháng 10 năm 2019. Hiện nay cả 02 con chung là Phương Anh và Minh Quang đang sống cùng với chị và mẹ đẻ chị ở thôn 9, xã Vũ Đoài. Con Anh Thư đang sống cùng với anh M tại thôn 6, xã Vũ Đoài. Ly hôn, chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả 03 con chung và không yêu cầu anh M phải góp cấp dưỡng tiền nuôi các con cho chị. Trường hợp con Phương Anh và con Anh Thư, con nào muốn được ở với anh M thì chị cũng chấp nhận. Hiện chị đang làm công nhân may tại công ty xuất khẩu Thăng Long khu công nghiệp Nguyễn Đức Cảnh, thành phố Thái Bình, có thu nhập từ 08 đến 09 triệu đồng/tháng tiền lương. Ngoài ra chị còn có sự hỗ trợ của mẹ đẻ chị trong việc trông nom, chăm sóc các con. Bố mẹ đẻ chị có nhà cửa rộng rãi, đảm bảo cho chị và các con được sống ổn định, các cháu được đi học tại xã Vũ Đoài và có chỗ ăn ở, vui chơi. Chị xác nhận anh M có chỗ ở ổn định và có thu nhập nhưng chị không rõ cụ thể mức thu nhập của anh M.

Về quan hệ tài sản: Chị và anh M có 01 ngôi nhà 02 tầng rộng 90m^2 xây dựng từ năm 2014 trên đất của bố mẹ đẻ anh M tại thôn 6, xã Vũ Đoài hiện anh M đang quản lý và sinh sống. Ly hôn, chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết về quan hệ tài sản. Nợ chung của vợ chồng anh chị không có nên chị cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Tại Văn bản trình bày ý kiến đề ngày 12 tháng 02 năm 2025; Đơn xin xác nhận nơi ở đề ngày 19 tháng 02 năm 2025 và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Đặng Hùng M trình bày:

Về thời gian, điều kiện kết hôn của anh và chị T phù hợp như chị T đã trình bày. Tuy nhiên, thời điểm xảy ra mâu thuẫn của vợ chồng là cuối năm 2024, trước đó vài năm vợ chồng cũng có sảy ra sô sát, cãi vã nhưng chỉ có một lần duy nhất do anh ham chơi dẫn đến thất thoát kinh tế gia đình, mất khoảng mấy chục triệu đồng. Lúc đó chị T cũng tức bực bỏ về nhà mẹ đẻ chị T sinh sống, nhưng sau đó chị T lại quay về nhà và vợ chồng anh chị đã đoàn tụ với nhau. Thời điểm đó, anh

cũng đã viết cam đoan với chị T và gia đình hứa sẽ không tái phạm. Trong thời gian vợ chồng chung sống, anh đi làm công ty có liên hoan ăn uống nên có hơi men trong người dẫn đến vợ chồng anh chị lại tiếp tục xảy ra sô sát. Chị T không tránh đi, không im lặng mà lại tranh cãi, ầm ĩ làm to chuyện lên, trong khi anh có men rượu, nên anh đã túm tóc và tát chị T. Đến cuối năm 2024, vợ chồng anh mâu thuẫn căng thẳng nên chị T đã đưa cả 03 con chung bỏ về nhà ngoại ở thôn 9, xã Vũ Đoài sinh sống, từ đó sống ly thân với anh. Ngay sau khi chị T bỏ đi khoảng hơn 01 tháng (trước dịp Tết 2025), gia đình anh có đến nhà bố mẹ đẻ chị T để tìm chị T về nhưng chị T không về. Còn đối với anh, anh không tìm gọi chị T về vì quan điểm của anh là anh không đuổi chị T đi. Anh xác định nguyên nhẫn dẫn đến việc vợ chồng anh chị ly thân và chị T làm đơn ly hôn anh là do lỗi của anh, cụ thể là do anh đã đánh chị T. Nay chị T xin ly hôn, anh không đồng ý ly hôn mà muốn vợ chồng đoàn tụ để cùng nuôi dạy con.

Về quan hệ con chung: Anh và chị T có 03 con chung như chị T đã trình bày. Từ thời điểm đầu tháng 02 năm 2025 thì anh đã đón con Anh Thư về nhà trực tiếp nuôi dưỡng và hàng ngày đưa đón con Thư đi học. Bản thân anh làm nghề cơ khí tại xã Vũ Đoài nên có thời gian trực tiếp chăm sóc con Anh Thư. Thu nhập của anh khoảng 350.000- 400.000đồng/ ngày. Chỗ ở hiện nay của hai bố con là nhà 02 tầng kiên cố khang trang của vợ chồng anh đã xây dựng tại địa chỉ thôn 6, xã Vũ Đoài; Vì vậy anh đảm bảo cho con Thư có chỗ ăn ở, sinh hoạt, học tập tốt. Ngoài ra, anh còn có sự hỗ trợ của mẹ đẻ anh trong việc chăm sóc cháu Thư. Chị T đi làm công ty ổn định từ nhiều năm nay nên có thu nhập đủ nuôi dưỡng 02 con, bố mẹ đẻ chị T ở cùng nhà có thể hỗ trợ chị T chăm sóc 02 cháu. Do cả anh và chị T đều có đủ điều kiện để nuôi con nên trường hợp anh chị ly hôn, anh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con Anh Thư, anh đồng ý để chị T trực tiếp nuôi dưỡng con Phương Anh và con Minh Quang, anh không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

Về quan hệ tài sản: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nợ chung của vợ chồng anh chị không có nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Biên bản xác minh ngày 12 tháng 02 năm 2025 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện V thể hiện: Chị T và anh M kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Vũ Đoài vào ngày 03 tháng 02 năm 2009. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống tại nhà của anh chị ở thôn 6, xã Vũ Đoài. Anh chị chung sống hạnh phúc đến khoảng năm 2019 thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn sâu xa thì địa phương không nắm được. Nay chị T có đơn xin ly hôn anh M, địa phương đề nghị Tòa án căn cứ vào quy định của pháp luật để giải quyết.

Về con chung: Anh chị có 03 con chung là Đặng Phương A, sinh ngày 04 tháng 6 năm 20xx; Đặng Anh Th, sinh ngày 21 tháng 4 năm 20xx và Đặng Minh Q, sinh ngày 29 tháng 10 năm 20xx. Ly hôn, đề nghị Tòa án căn cứ vào nguyện vọng của các cháu và anh chị để giải quyết. Về điều kiện nuôi con, cả anh M và chị T đều có công ăn việc làm, có thu nhập và có chỗ ở ổn định.

Về tài sản của anh chị: Anh chị có nhà xây dựng trên đất của bố mẹ đẻ anh M. Anh chị không có nợ chung đối với tổ chức, đoàn thể xã hội tại địa phương.

4. Tại Biên bản lấy lời khai của người làm chứng ngày 12 tháng 02 năm 2025, bà Phạm Thị X (là mẹ đẻ của chị Trần Thị T) trình bày:

Bà là mẹ đẻ của chị T. Chị T là con gái thứ ba trong gia đình bà. Chị T và anh M kết hôn tự nguyện và đăng ký kết hôn tại UBND xã Vũ Đoài vào ngày 03/02/2009. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống trên đất của bố mẹ chồng sau đó vợ chồng làm nhà riêng. Quá trình chung sống, vợ chồng không hạnh phúc do anh M đang đi làm công ty thì anh M bỏ việc và muốn đi nước ngoài, yêu cầu chị T đi vay tiền đặt cọc cho anh M đi nước ngoài. Trong khi đó, chị T ở nhà vừa nuôi con vừa vào phường để trả nợ cho chồng. Khi anh M về nước thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân một phần do kinh tế, một phần do bản thân anh M có biểu hiện ngoại tình với người phụ nữ khác. Sau khi anh chị trả hết nợ đối với khoản vay để lo cho anh M đi nước ngoài thì lại phát hiện anh M có khoản vay chơi bời ở bên ngoài (số tiền 39.000.000 đồng), mục đích vay chi tiêu riêng của anh M, không phục vụ gia đình. Do nợ nần nên vợ chồng mâu thuẫn căng thẳng, anh M còn dùng điếu cày đánh chị T thâm tím chân tay và đe dọa bằng tin nhắn trên điện thoại làm chị T rối bới đầu óc và sức khỏe giảm sút. Chị T cũng đã nín nhịn bỏ qua lỗi lầm của anh M, anh M cũng đã xin lỗi nhưng vẫn không thay đổi. Thậm chí trong thời đi làm công ty, anh M còn có biểu hiện ngoại tình với người làm cùng công ty. Nay chị T xin ly hôn anh M, gia đình bà không muốn anh chị phải ly hôn vì anh chị đã có 03 con chung. Tuy nhiên do cuộc sống chung của chị T với anh M quá bất hạnh nên bà đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn theo nguyện vọng của chị T.

Về con chung, chị T và anh M có 03 con là cháu Đặng Phương A, sinh ngày 04 tháng 6 năm 20xx; Đặng Anh Th, sinh ngày 21 tháng 4 năm 20xx và Đặng Minh Q, sinh ngày 29 tháng 10 năm 20xx. Từ tháng 11/2024 đến nay thì 04 mẹ con chị T đang ở cùng với gia đình bà tại địa chỉ: Thôn 9, xã Đ, huyện V, tỉnh Thái Bình. Đến ngày 07/02/2025, con thứ hai của chị T và anh M là cháu Đặng Anh Th, sinh ngày 21/4/2017 được anh M đón về nuôi dưỡng và đưa đón cháu Thư đi học tại trường Tiểu học cơ sở xã Vũ Đoài, do anh M có nguyện vọng được nuôi cháu Thư. Ngôi nhà mẹ con chị T đang sinh sống hiện nay thuộc sở hữu của vợ chồng bà, vợ chồng bà cam đoan cho mẹ con chị T có chỗ ở ổn định, các con chị T có điều kiện ăn, ở, sinh hoạt tốt, gia đình bà sẽ giúp đỡ chị T chăm sóc các cháu chu đáo. Chị T có thu nhập ổn định (10.000.000 đồng/tháng) và làm công nhân tại công ty xuất khẩu Thăng Long có địa chỉ tại tỉnh Thái Bình.

Về tài sản chung, vợ chồng anh chị có xây dựng được một ngôi nhà 02 tầng 90m^2 trên đất của bố mẹ đẻ anh M vào năm 2014. Nợ chung của vợ chồng anh chị không có.

5. Tại Bản tự khai đề ngày 17 tháng 02 năm 2025, cháu Đặng Phương A trình bày nếu bố mẹ ly hôn, cháu có nguyện vọng ở với mẹ.

6. Tại Bản tự khai đề ngày 18 tháng 02 năm 2025, cháu Đặng Anh Th trình bày nếu bố mẹ ly hôn, cháu có nguyện vọng ở với bố.

**** Tại phiên tòa đại diện VKSND huyện Vũ Thư phát biểu quan điểm***:

- Về tố tụng: Thẩm phán và HĐXX, thư ký phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, Viện kiểm sát không có yêu cầu, kiến nghị gì.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 58; Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 đề nghị: Xử cho chị Trần Thị T được ly hôn anh Đặng Hùng M; Về quan hệ con chung: Xử giao cho chị Trần Thị T trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là Đặng Phương A, sinh ngày 04 tháng 6 năm 2010 và Đặng Minh Q, sinh ngày 29 tháng 10 năm 2019. Giao cho anh Đặng Hùng M trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Đặng Anh Th, sinh ngày 21 tháng 4 năm 2017. Ghi nhận việc chị T không yêu cầu anh M phải góp cấp dưỡng nuôi con chung cho chị T. Về tài sản: Do chị T, anh M đều không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết. Về án phí: Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án, cũng như thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

1.Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Chị Trần Thị T khởi kiện xin ly hôn và tranh chấp về nuôi con khi ly hôn với anh Đặng Hùng M có đăng ký thường trú tại thôn 6, xã Đ, huyện V, tỉnh Thái Bình. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là *"Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn"* và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vũ Thư.

[1.2] Chị Trần Thị T có đơn đề nghị Toà án xét xử vắng mặt; anh M đã được triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt; căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

2.Về nội dung:

[**2.1**] **Quan hệ hôn nhân**: Chị Trần Thị T và anh Đặng Hùng M đăng ký kết hôn tại UBND xã Vũ Đoài vào ngày 03 tháng 02 năm 2009 là hôn nhân tự nguyện và hợp pháp. Quá trình chung sống, do tính tình vợ chồng không còn hòa hợp; thường xuyên bất đồng về quan điểm sống và kinh tế gia đình nên anh chị đã nảy sinh mâu thuẫn, cãi vã, to tiếng căng thẳng dẫn đến cuộc sống ly thân, mỗi người một nơi. Chị T trình bày cuộc sống vợ chồng liên tục xảy ra xô sát, anh M có biểu hiện ngoại tình, về nhà chửi bới, lăng mạ và đánh đập chị; trong quá trình giải quyết vụ án, chị cũng cung cấp được chứng cứ thể hiện việc anh M đánh chị, văn bản của anh M viết thể hiện việc anh M làm thất thoát kinh tế gia đình. Chị T xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh M và kiên quyết xin ly hôn anh M. Bản thân anh M cũng thừa nhận nguyên nhân mâu thuẫn dẫn đến vợ chồng anh chị sống ly

thân là do anh trong lúc có hơi men, chị T cãi lại, anh có đánh chị T. Anh M không muốn ly hôn nhưng lại không tìm ra được biện pháp để cải thiện tình cảm vợ chồng. Thậm chí, khi chị T bỏ về nhà mẹ đẻ chị T ở, anh M cũng không đi tìm chị T về, anh M cũng không có mặt tại cả hai phiên tòa, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ để đưa ra căn cứ anh đã cố gắng cải thiện mâu thuẫn vợ chồng để chứng minh nguyện vọng xin đoàn tụ với chị T. Cả chị T và anh M đều trình bày: Anh chị có mâu thuẫn xuất phát từ kinh tế do anh M làm thất thoát tiền mà không phục vụ cuộc sống gia đình và anh M có đánh chị T, có việc chị T dẫn các con về nhà bố mẹ đẻ chị T sống ly thân với anh M. Chị T đã được Tòa án thông báo anh M xin đoàn tụ vợ chồng để anh chị cho nhau cơ hội cải thiện tình cảm nhưng chị T kiên quyết ly hôn và từ chối hòa giải.

Xét thực trạng quan hệ vợ chồng của chị T và anh M đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, xử cho chị Trần Thị T được ly hôn anh Đặng Hùng M.

[2.2] Về con chung: Chị Trần Thị T và anh Đặng Hùng M có 03 con chung là Đặng Phương A, sinh ngày 04 tháng 6 năm 20xx; Đặng Anh Th, sinh ngày 21 tháng 4 năm 20xx và Đặng Minh Q, sinh ngày 29 tháng 10 năm 20xx. Hiện nay con Phương A và con Minh Q đều đang ở với chị T và bố mẹ đẻ chị T. Chị T có nguyện vọng được nuôi các con chung, con Phương A cũng trình bày nguyện vọng muốn được ở với mẹ, con Minh Q còn nhỏ cũng đang được chị T cùng bố mẹ đẻ và gia đình chị T chăm sóc, nuôi dưỡng, các cháu đều được đi học tại xã Vũ Đoài. Đối với con Đặng Anh Th, hiện đang do anh M nuôi dưỡng và đưa đón đi học tại xã Đ, anh M có nguyện vọng được nuôi con Thư và con Thư cũng có nguyện vọng được ở với bố. Xét về điều kiện nuôi con: Chị T và anh M hiện đang sinh sống và có việc làm tại tỉnh Thái Bình, có thu nhập, có nơi ở ổn định và có sự trợ giúp của gia đình trong việc chăm sóc con chung nên cả hai anh chị đều có đủ điều kiện nuôi con. Vì vậy, để đảm bảo sự ổn định, tránh việc xáo trộn về chỗ ở và việc học tập của các cháu, cần giữ nguyên việc nuôi dưỡng con chung như hiện nay: giao cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng con Phương A và con Minh Q; giao cho anh M trực tiếp nuôi dưỡng con Anh Th. Ghi nhận việc chị T không yêu cầu anh M phải góp cấp dưỡng nuôi con cho chị.

[**2.3**] **Về tài sản**: Chị Trần Thị T và anh Đặng Hùng M không yêu cầu nên HĐXX không đặt ra giải quyết.

[**2.4**] **Về án phí**: Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 39 Bộ luật Dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý án phí, lệ phí Tòa án:

1. **Về quan hệ hôn nhân**: Xử cho chị Trần Thị T được ly hôn anh Đặng Hùng M.

2. **Về quan hệ con chung:** Xử giao cho chị Trần Thị T trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là Đặng Phương A, sinh ngày 04 tháng 6 năm 2010 và Đặng Minh Q, sinh ngày 29 tháng 10 năm 2019. Giao cho anh Đặng Hùng M trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Đặng Anh Th, sinh ngày 21 tháng 4 năm 2017. Ghi nhận việc chị T không yêu cầu anh M phải góp cấp dưỡng nuôi con chung cho chị T.

Anh Đặng Hùng M và chị Trần Thị T có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở. Anh Đặng Hùng M và chị Trần Thị T có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con khi cần thiết.

3.**Về quan hệ tài sản:** Không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Chị Trần Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng chị T đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0001822 ngày 10 tháng 12 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vũ Thư thành tiền án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Trần Thị T và anh Đặng Hùng M có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa
(Đã ký)

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũ Thư;
- Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Vũ Thư;
- Các đương sự;
- UBND xã Đ, huyện V;
- TAND tỉnh Thái Bình;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu HCTP.